TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 642/2019/HN-PT
Ngày: 08/7/2019.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Phạm Thị Thu Phương

2/ Ông Nguyễn Chí Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hồ Văn Cảm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3017/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1965.
Địa chỉ: 38/2 TKC, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1981.
Địa chỉ: 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ngân hàng F.

Trụ sở: 35 HV, phường F, quận G, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh E: 203 HVT, Phường K, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Anh D (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 39/QĐ-BIDV.PN ngày 23/6/2017).

(Có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Th.

Địa chỉ: 37 khu X, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông và Hường tự nguyện theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Z, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/2006. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phú. Mặc dù cả hai bên đã cố gắng hàn gắn hòa giải nhiều lần nhưng tình hình không hề được cải thiện. Ông T cho rằng bà H có quan hệ ngoài hôn nhân, chỉ biết chăm lo cho bản thân, không quan tâm đến gia đình, thường dùng những lời lẽ nặng nề, xúc phạm ông. Vợ chồng hay xảy ra cãi vã, thậm chí bà H còn dùng bạo lực làm ảnh hưởng tới ông, tới gia đình và đặc việt là ảnh hưởng tới cuộc sống, sinh hoạt, học tập của con cái. Đỉnh điểm là việc bà H đến công ty nơi ông làm việc gây chuyện, cho rằng ông có ngoại tình với nhân viên cấp dưới khiến ông cảm thấy mệt mỏi vì công việc bị ảnh hưởng và danh dự bị xúc phạm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đã dọn ra ngoài sống riêng từ năm 2015 và không dám về nhà vì sợ bà H gây chuyện ảnh hưởng đến con cái. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn vì không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân không hạnh phúc.

Con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Đan A, sinh ngày 03/11/2006 và Nguyễn Hải Ph, sinh ngày 13/8/2009. Khi ly hôn, ông T tôn trọng ý kiến của các con về việc muốn sống chung với bố hoặc mẹ. Tuy nhiên, ông vẫn có nguyện vọng muốn trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con. Nếu Tòa án giải quyết về vấn đề ai là người trực tiếp nuôi con, ông và bà H sẽ tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con hoặc tôn trọng quyết định của Tòa.

Tài sản chung: Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Căn nhà số 28 TQK, phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện căn nhà này đang cho Bà Nguyễn Thị Th mượn mặt bằng để kinh doanh dịch vụ internet.

+ Căn nhà số 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (đã thế chấp cho Ngân hàng F- chi nhánh E1 để vay số tiền 2.500.000.000 đồng).

+ 01 chiếc xe ô tô mang hiệu Honda Civic, biển số R do ông T đứng tên chủ sở hữu.

+ 01 chiếc xe máy mang hiệu Vespa LX125, biển số M do ông T đứng tên chủ sở hữu.

+ 01 chiếc xe máy hiệu Honda SH150, mang biển số N do ông T đứng tên chủ sở hữu.

+ 01 chiếc đàn Piano hiệu Yamaha.

Nợ chung: Vay tiền số tiền .500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/6916038/HĐTD ngày 06/02/2015 và Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6916038/HĐBĐ ngày 06/02/2015.

Ông T đề nghị phân chia tài sản chung như sau:

+ Xe ô tô mang hiệu Honda Civic do ông đứng tên chủ sở hữu nhưng ông đồng ý để bà H sử dụng và không yêu cầu tranh chấp.

+ Chiếc xe máy hiệu Honda SH150 do ông đứng tên chủ sở hữu, ông tự giữ làm phương tiện đi lại.

+ Chiếc xe máy mang hiệu Vespa LX125, bà H đứng tên sở hữu, bà H tự giữ làm phương tiện đi làm, không yêu cầu tranh chấp.

+ 01 chiếc đàn Piano hiệu Yamaha ông đề nghị không phân chia để lại cho các con.

+ Căn nhà số 28 TQK, phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ông đề nghị bán và chia đôi giá trị nhà.

+ Căn nhà 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng F- Chi nhánh E1thì sẽ chia đôi số tiền còn lại.

Bị đơn Bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông T kết hôn và chung sống với nhau 10 năm, quá trình chung sống nếu có bất hòa xảy ra thì cũng chỉ vì những xung đột thường ngày chứ không phải mâu thuẫn căn bản để dẫn đến ly hôn. Trong cuộc sống vợ chồng tuy có khác biệt về tuổi tác, tính cách, công việc và cả sự khác biệt cơ bản giữa vùng miền Bắc- Nam nhưng bà đã cố gắng vun vén cho hạnh phúc gia đình. Bản thân bà neo đơn, thu nhập không ổn định để tự nuôi hai con nên bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T.

Tại các buổi hòa giải ngày 28/01/2016, 15/9/2017 bà H đồng ý ly hôn nếu vợ chồng thỏa thuận được về việc giải quyết tài sản chung. Tuy nhiên, sau nhiều lần hòa giải tại Tòa án các bên không thống nhất được vấn đề con chung, chia tài sản chung và giải quyết khoản nợ chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng F có đơn yêu cầu độc lập ngày 28/12/2015 nội dung: Ông T và bà H có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2015/6916038/HĐTD ngày 06/02/2015 với Ngân hàng F – Chi nhánh E1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng). Nội dung hợp đồng: Ông T và bà H vay số tiền 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng, mục đích mua nhà, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 7,2%/năm trong năm đầu và có điều chỉnh theo từng thời kỳ. Để đảm bảo việc thanh toán khoản vay, ông T bà H đã thế chấp căn nhà số

181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6916038/HĐBĐ ngày 06/02/2015. Nay ông T bà H ly hôn, ông T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà trên, Ngân hàng có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc Ông Nguyễn Quốc T và bà Lê Thị H thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên.

Số tiền nợ tính đến ngày xét xử là: Nợ gốc: 1.613.900.000 đồng.

Nợ lãi: 304.741.534 đồng.

Phí phạt chậm thanh toán: 54.310.760 đồng.

Tổng cộng: 1.977.952.294 đồng.

Ngoài ra ông T bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2018 theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 01/2015/6916038/HĐTD ngày 06/02/2015 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/6916038/HĐBĐ ngày 06/02/2015. Số tiền thừa sau khi trả nợ ông T bà H mới được thỏa thuận phân chia tài sản.

Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Th là người đứng tên hợp đồng mượn mặt bằng nhà số 28 TQK, phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh của ông T bà H theo hợp đồng cho mượn mặt bằng ký ngày 15/11/2016 giữa bà và ông T, bà không có ý kiến gì về việc tòa án tiến hành định giá và phân chia tài sản chung của ông T bà H là căn nhà nói trên. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng cho mượn nhà sẽ do bà và ông T tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Khoản 6, 8, 9, 10 Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Nguyễn Quốc T và Bà Lê Thị H. Quan hệ hôn nhân của ông T và bà H chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc Đan A, sinh ngày 03/11/2006 và Nguyễn Hải Ph, sinh ngày 13/8/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T phải đóng góp nuôi con với bà H số tiền 7.500.000 đồng/tháng/mỗi trẻ, tổng cộng mỗi tháng ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 15.000.000 đồng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10/2018 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung: Chia đôi giá trị căn nhà số 28 TQK, phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả định giá là 16.785.000.000, mỗi người được hưởng 8.392.500.000 (Tám tỷ ba trăm chín mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Chia đôi giá trị còn lại của căn nhà 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi đã trừ đi khoản nợ của Ngân hàng F, số tiền còn lại mỗi người được hưởng là 1.855.523.853 (Một tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm năm mươi ba) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nợ chung: Ông Nguyễn Quốc T và Bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng F số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 01/2015/6916038/HĐTD ngày 06/02/2015, tính đến ngày 28/9/2018 là 1.977.952.294 (Một tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi hai ngàn hai trăm chín mươi bốn) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông T bà H không trả số tiền trên, Ngân hàng F có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà số 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

Số tiền phát mãi thu được sau khi trừ các khoản nợ gốc và lãi phải trả cho Ngân hàng và các chi phí liên quan đến việc thi hành án sẽ được chia đều cho ông T và bà H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, Bà Lê Thị H kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: bà kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án do bản án xét xử có dấu hiệu vi phạm pháp luật, sai nghiêm trọng quy trình thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H đồng ý ly hôn với ông T, yêu cầu ông T phải đóng góp nuôi con chung số tiền 10.000.000 đồng/tháng/mỗi trẻ, tổng cộng mỗi tháng ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000 đồng.

Bà yêu cầu được thỏa thuận với ông T như sau: Giao nhà đất tại địa chỉ 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà và các con sinh sống vì hiện nay các con còn rất nhỏ, sau này các con lớn thì giao lại nhà cho các con. Căn nhà 28 TQK, phường Q, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng F - Chi nhánh E1 Thành phố Hồ Chí Minh chia đôi giá trị nhà đất, bà giữ lại nhà và hoàn lại tiền cho ông T.

Nợ chung: Trước đây bà đã trả nợ số tiền cho Ngân hàng tổng cộng 1.490.000.000 đồng, đây là số tiền mà bà mượn của bố ruột bà, bà yêu cầu ông T trả ½ số tiền trên cho bố ruột của bà.

Nếu không thỏa thuận được tất cả các vấn đề trên thì bà yêu cầu Tòa xem xét lại án sơ thẩm đã xét xử ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và các con vì khi xét xử sơ thẩm bà không được biết, không nhận được giấy mời cũng không thông qua tổ trưởng tổ dân phố để gửi giấy mời cho bà. Xét xử nội dung không đúng như đã thỏa thuận với ông T đã trao đổi với bà tại phiên hòa giải cũng như qua email giữa bà và ông T. Bà đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm giao cấp sơ thẩm xem xét xử lại cho bà.

Ông Nguyễn Quốc T trình bày: Ông không đồng ý kháng cáo của bà H: Đối với emal mà bà H nói hai bên đã thỏa thuận trước đó đã 3, 4 năm rồi, trước đây giá trị nhà thấp bây giờ đã có giá trị cao hơn nên không thỏa thuận được. Mục đích của bà H là kéo dài thời gian. Về trả lãi ngân hàng thì bản thân tôi cũng đã trả lãi trước đây, việc trả lãi của nghĩa vụ của cả hai bên. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Trương Anh D đại diện Ngân hàng yêu cầu Ông Nguyễn Quốc T và Bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng F số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 01/2015/6916038/HĐTD ngày 06/02/2015, tính đến ngày 07/7/2019 là:

+ Nợ gốc: 523.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 227.581.146 đồng.

+ Phí phạt chậm thanh toán: 80.237.353 đồng.

Tổng cộng: 830.818.499 (Tám trăm ba mươi triệu tám trăm mười tám ngàn bốn trăm chín mươi chín) đồng.

Ngoài ra ông T, bà H còn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/7/2019 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng F có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là căn nhà số 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 01/2015/6916038/HĐTD ngày 06/02/2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm" tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Bà Lê Thị H. Hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 09 tháng 10 năm 2018 Bà Lê Thị H nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 12/10/2018, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên bà Th có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm Tòa án đã cố gắng động viên ông T, bà H thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng ông T bà H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Xét yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi xem xét các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tống đạt (Bút lục số 142) thể hiện không tống đạt được cho bị đơn lý do nhà khóa cửa ngoài để niêm yết mà không có bất kỳ biên bản giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với bị đơn hoặc tổ trưởng tổ dân phố để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho bị đơn là không đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Trường hợp người được cấp, tống đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tống đạt, thông báo. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án.*"

Ngoài ra, các biên bản niêm yết công khai tại:

1. Nhà số 181/37/6 PĐL Phường D, quận E, Thành Phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 143).

2. Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 1, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 144).

3. Trụ sở Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Bút lục số 145).

Đều thể hiện thời gian niêm yết từ ngày 28/8/2018 đến ngày 12/9/2018 là 14 ngày không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Dân sự thời gian niêm yết công khai văn bản tố tụng là 15 ngày.

Như vậy tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 68, Điều 220, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 24, 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần thiết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A Thành phố Hồ Chí Minh vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng nên cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung.

Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho Bà Lê Thị H do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị H

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn cho Bà Lê Thị H số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0041269 ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- TAND quận E, TPHCM;
- Chi cục THADS quận E, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt